

**CÔNG TY TNHH ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC SAMI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC SAMI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAMI EDUCATION DEVELOPMENT AND TRAINING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY ĐÀO TẠO GIÁO DỤC SAMI

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108684161

**3. Ngày thành lập:** 05/04/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Ba Chũ, Xã Vân Nội, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Giáo dục nhà trẻ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8511        |
| 2.  | Giáo dục mẫu giáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8512        |
| 3.  | Giáo dục tiểu học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8521        |
| 4.  | Giáo dục trung học cơ sở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8522        |
| 5.  | Giáo dục trung học phổ thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8523        |
| 6.  | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8531        |
| 7.  | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8532        |
| 8.  | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8533        |
| 9.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);<br>- Giáo dục dự bị;<br>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;<br>- Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Dạy đọc nhanh;<br>- Dạy máy tính | 8559(Chính) |
| 10. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: Tư vấn giáo dục,<br>+ Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục,<br>+ Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục,<br>+ Dịch vụ kiểm tra giáo dục,<br>+ Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên                                                                                                                                                          | 8560        |
| 11. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4649        |

**6. Vốn điều lệ:** 200.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên         | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN | TDP Trung 8, Phường Tây Tựu, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam            | 110.000.000           | 55,000    | 001186025782                                                                                                                                      |         |
| 2   | HÀ THỊ TRÂM MY         | thôn Tăng My , Xã Nam Hồng, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam               | 90.000.000            | 45,000    | 001197013271                                                                                                                                      |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/07/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001186025782

Ngày cấp: 30/01/2019

Nơi cấp: cục cảnh sát QLHC về trật tự XH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: TDP Trung 8, Phường Tây Tựu, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm Sau, Thôn Viên Nội, Xã Vân Nội, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội